



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 26 tháng 6 năm 2014. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lai Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4264
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26-06-2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	1.197.746.239.097	773.761.032.715
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	55.033.596.309	37.850.714.474
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-
3	Các khoản phải thu	264.803.204.419	155.049.212.089
4	Hàng tồn kho	825.442.469.352	547.528.480.351
5	Tài sản ngắn hạn khác	52.466.969.017	33.332.625.801
II	Tài sản dài hạn	456.137.409.780	333.640.685.271
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	445.066.123.371	327.232.626.539
	- TSCĐ hữu hình	157.019.539.235	191.632.906.986
	- TSCĐ thuê tài chính	7.085.205.849	12.210.465.402
	- TSCĐ vô hình	130.229.098.336	118.753.408.366
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	150.732.279.951	4.635.845.785
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	11.071.286.409	6.408.058.732
III	Tổng tài sản	1.653.883.648.877	1.107.401.717.986
IV	Nợ phải trả	1.230.481.341.685	691.573.667.873
1	Nợ ngắn hạn	1.039.724.735.252	646.287.788.065
2	Nợ dài hạn	190.756.606.433	45.285.879.808
V	Vốn chủ sở hữu	423.402.307.192	415.828.050.113
1	Vốn chủ sở hữu	423.402.307.192	415.828.050.113
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	229.753.410.000	200.700.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	28.342.842.000	2.658.750.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	1.049.985.000	54.737.502.000
	Cổ phiếu quỹ	(337.200.000)	(153.200.000)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Các quỹ	11.435.342.433	10.003.798.862
	Lợi nhuận chưa phân phối	153.157.927.759	147.881.199.251
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
VI	Tổng nguồn vốn	1.653.883.648.877	1.107.401.717.986

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1	Tổng doanh thu	3.081.587.742.477	2.824.879.284.869
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.390.599.143)	(9.082.322.858)
3	Doanh thu thuần	3.070.197.143.334	2.815.796.962.011
4	Giá vốn hàng bán	(2.931.101.719.422)	(2.634.213.434.620)
5	Lợi nhuận gộp	139.095.423.912	181.583.527.391
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9.566.274.249	8.896.170.936
7	Chi phí tài chính	(39.650.916.481)	(55.011.221.798)
8	Chi phí bán hàng	(45.048.837.058)	(30.325.671.388)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(39.875.598.684)	(25.374.581.198)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.086.345.938	79.768.223.943
11	Thu nhập khác	20.354.969.405	13.265.318.280
12	Chi phí khác	(2.168.939.605)	(799.623.918)
13	Lợi nhuận khác	18.186.029.800	12.465.694.362
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.272.375.738	92.233.918.305
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(12.270.108.862)	(23.325.483.853)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	444.750.454	218.367.309
17	Lợi nhuận sau thuế	30.447.017.330	69.126.801.761
18	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	1.326	3.151

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	72,42%	69,87%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	27,58%	30,13%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	74,40%	62,45%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	25,60%	37,55%
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	1,10	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	0,31	0,06
Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,99%	2,45%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,84%	6,24%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,19%	16,62%